TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU S **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 31 - 5 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU S, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Trần Xuân Anh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Vũ Thị Hạnh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXX ngày 04 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân V
Địa chỉ trụ sở: Thôn Y, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Kim Kh, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thọ S, sinh năm 1980
Địa chỉ: Số nhà X, phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị A, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Y, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt: Ông Kh, ông S, bà L; vắng mặt: Bà A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2022, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, phía nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân V *(sau đây viết tắt là QTD Vân S)* do người đại diện theo pháp luật ông Lê Kim Kh trình bày và đề

nghị: Ngày 22 tháng 12 năm 2017, ông Nguyễn Thọ S ký hợp đồng tín dụng số 5394/ TTCV vay QTD Vân S số tiền 310.000.000đ *(Ba trăm mười triệu đồng)*. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2018.
Lãi suất: 1,2%/ tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (1,8%/ tháng). Lãi suất nợ quá hạn tính từ ngày 23/12/2018. Hình thức trả gốc: Cuối kỳ vay vốn.

Người lập hồ sơ tín dụng là bà Lê Thị L cán bộ tín dụng của QTD Vân S, đồng thời là vợ của ông S. Trong hợp đồng tín dụng, bên vay là ông Nguyễn Thọ S, người thừa kế là bà Lê Thị L vợ ông S. Người thừa kế ngang hàng với người vay vốn, cùng phải chịu trách nhiệm trả nợ. Trong hợp đồng tín dụng có chữ ký của ông S, không có chữ ký của bà L.

Quá thời hạn trả nợ, QTD xã Vân S đã nhắc nhở nhiều lần nhưng vợ chồng ông Nguyễn Thọ S không trả nợ cho Quỹ tín dụng. Ngày 7/5/2018, QTD làm việc với bà L, bà L ký xác nhận một số khoản nợ trong đó có khoản nợ gốc là: 310.000.000đ. Đến nay, ông S và bà L vẫn chưa thanh toán gốc và lãi.

QTD xã Vân S đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu S buộc ông Nguyễn Thọ S và bà Lê Thị L phải trả cho QTD xã Vân S số tiền tính đến ngày 22/12/2022 tổng số tiền là: 656.680.000đ, cụ thể :

- Số tiền gốc: 310.000.000đ
- Lãi trong hạn từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2018 là 365 ngày x 310.000.000đ = 45.260.000đ
- Lãi suất quá hạn: từ ngày 23/12/2018 đến ngày 31/5/2023:
1.620 ngày x1,8 (%/ tháng) x 310.000.000đ = 301.320.000đ

Về việc bà L trình bày ông S ký hồ sơ khống bù khoản tiền thiếu hụt của quỹ, ông bà không được nhận tiền là không đúng. Vì bà L là người làm hồ sơ và đưa hồ sơ cho ông S ký. Ông S đã nhận tiền vay mới ký vào giấy nhận tiền, giấy ghi nợ. Thời điểm bà L làm phó giám đốc QTD, có Đoàn thanh tra về thanh tra quỹ từ ngày 02/8/2017 đến ngày 30/8/2017. Ngày 12/9/2017 có kết luận của đoàn thanh tra. Ngày 14/9/2017, có quyết định đình chỉ chức vụ phó giám đốc của bà L. Bà L xuống làm nhân viên QTD Vân S. Từ tháng 9/2017 các khoản tiền vi phạm đã được làm rõ không còn khoản nào phát sinh. Đến tháng 12/2017, ông S mới ký hợp đồng tín dụng nên bà L nói ký hồ sơ khống bù đắp tiền hụt quỹ là không đúng.

Thời điểm ông S và bà L cư trú ở xóm10, Vân S đều làm thẻ thành viên vay vốn của QTD Vân S. Khi bà L và ông S thay đổi nơi cư trú không thông báo cho Quỹ biết và không rút thẻ thành viên nên thẻ thành viên của ông S, bà L vẫn thuộc diện được vay vốn. Trước đây, ông S bà L có vay tiền của QTD nhưng đã trả hết mới được vay khoản mới.

2. Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Thọ S trình bày: Ngày 22 tháng 12 năm 2017, bà Lê Thị L là vợ ông có gọi điện thoại bảo ông đến Quỹ tín dụng Vân S ký hợp đồng vay tiền. Thời điểm đó,

bà L đang làm cán bộ tín dụng QTD Vân S. Bà L nói ông ký vào hồ sơ vay vốn để đối phó với đoàn thanh tra. Do quá tin tưởng vợ nên ông đã ký vào tất cả các giấy tờ hồ sơ vay vốn với Quỹ tín dụng Vân S. Ông biết đọc và đầy đủ năng lực nhận thức nhưng khi ký ông không đọc hồ sơ. Ông không bị ai ép buộc, đánh đập, đe

dọa mà tự nguyện ký vào hồ sơ vay vốn và biết quyền và nghĩa vụ của người vay vốn. Bà L là người trực tiếp đưa hợp đồng cho ông ký. Từ khi ký hợp đồng, ông không trả đồng gốc và lãi nào vì ông không được nhận số tiền 310.000.000đ. Sau khi ký hợp đồng, ông không khiếu nại về việc không nhận được tiền. Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông trả tiền gốc 310.000.000đ và lãi, ông không đồng ý trả.

3. Tại Bản tự khai và các văn bản tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày: Tại thời điểm vay vốn bà và ông S là vợ chồng. Bà là cán bộ Quỹ tín dụng Vân S có nhiệm vụ hướng dẫn khách hàng vay vốn, soạn thảo hồ sơ vay vốn, đôn đốc thu nợ. Để khắc phục hậu quả do bị âm quỹ, thiếu hụt tiền của QTD Vân S. Ngày 22 tháng 12 năm 2017, bà có gọi điện cho ông S là chồng bà đến quỹ tín dụng để ký Hợp đồng tín dụng số 5394/ TTCV vay tiền QTD nhân dân xã Vân S. Bà là người đưa hợp đồng cho ông S ký. Giấy đề nghị vay vốn là mẫu của quỹ, chữ viết tay là do bà viết. Ông S ký hợp đồng để hợp thức hóa số tiền 310.000.000đ bị thiếu hụt quỹ, thực tế ông S không nhận tiền.

Bà có đọc hợp đồng và biết ghi địa chỉ ông S là xóm 10, xã Vân S, không đúng địa chỉ ông S đang ở nhưng bà không sửa lại địa chỉ. Thời điểm đó ông S đang ở phố L, thị trấn T. Lý do bà không ký vào hồ sơ vay vốn vì đây không phải là hồ sơ vay tiền, mà chỉ là hồ sơ lập ra để bù đắp vào các khoản âm quỹ tín dụng. Thời điểm vay ông S có thẻ thành viên Quỹ tín dụng Vân S, bà là người đóng tiền làm thẻ cho ông S tại địa chỉ là xóm 10, xã Vân S, huyện Triệu S vì năm 2013 và 2014 vợ chồng bà tạm trú tại nhà bà ngoại là bà Nguyễn Thị Xuyến, địa chỉ xóm 10 xã Vân S, huyện Triệu S. Trước ngày 14/9/2017 bà làm Phó Giám đốc Quỹ tín dụng Vân S. Đến ngày 14/9/2017 bà bị đình chỉ chức vụ Phó Giám đốc và xuống làm nhân viên. Khoảng tháng 5/2018, bà nghỉ ở nhà sinh cháu thứ 2, có chị Thắm là kiểm sát trưởng, chị Hồng là cán bộ quỹ tín dụng mang Biên bản xác nhận dư nợ đến nhà bà. Bà viết và ký tên xác nhận dư nợ có khoản Nguyễn Thọ S vay 310.000.000đ, có nghĩa là còn nợ khoản 310.000.000đ. Thực tế ngày 22 tháng 12 năm 2017, vợ chồng bà không nhận số tiền 310.000.000đ mà là tiền bà vay trước đó chưa trả hết gốc, tiền lãi của hợp đồng trước, tiền vay của thủ quỹ, tiền ứng tạm trước chưa trả cho Quỹ. Bà nhận trách nhiệm trả số tiền 310.000.000đ cho QTD Vân S, do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà xin trả dần vào năm 2024 và xin được miễn trả lãi.

4. Tại Bản tự khai và các văn bản tố tụng người làm chứng là bà Trần Thị A trình bày: Ngày 22/12/2017, bà làm thủ quỹ Quỹ tín dụng Vân S. Bà L có giao cho bà Hợp đồng vay vốn số 5394/ TTCV người vay vốn là ông S và bà L. Bà đã xuất số tiền 310.000.000đ giao cho ông S tại Quỹ tín dụng, khi đó có mặt bà L chứng kiến. Thời điểm đó đa số các hồ sơ không làm tích kê tiền. Sau

khi bà xuất tiền thì ông S ký vào phiếu chi, giấy nhận nợ. Bà ký dưới chữ ký của thủ quỹ. Bà Trần Thị Th ký dưới chữ ký kiểm soát, ông Kh ký dưới chữ ký Giám đốc. Hồ sơ đã hoàn thiện đúng thủ tục không phải hồ sơ khống như bà L trình bày vì bà L chính là người lập hồ sơ.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký và các đương sự trong quá trình giải

quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 466BLDS xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Thọ S và bà Lê Thị L cùng có trách nhiệm trả cho QTDND Vân S số tiền: 310.000.000đ và tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng tín dụng. QTD Vân S khởi kiện đối với ông S có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thị trấn Triệu S, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ Điều 26, 35,39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu S.

[2] Xét hợp đồng tín dụng: Ngày 22 tháng 12 năm 2017, ông S kí kết hợp tín dụng số số 5394/ TTCV vay QTD Vân S số tiền 310.000.000đ với thời hạn 12 tháng, lãi suất 1,2%/tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn trả nợ gốc ngày 22/12/2018. Hợp đồng tín dụng được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiện lực thi hành. Quá hạn trả nợ nhưng ông S, bà L không trả tiền gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Mặc dù, bà L không ký vào hợp đồng, nhưng tại thời điểm vay tiền bà L là vợ ông S, bà L chính là người làm hợp đồng cho ông S vay vốn. Ngoài ra bà cũng xác nhận có khoản nợ 310.000.000đ và nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ. Tại phiên toà, QTD Vân S yêu cầu ông S và bà L đều phải có trách nhiệm trả nợ cho QTD Vân S.

Như vậy, QTD Vân S yêu cầu ông S, bà L phải trả cho Quỹ tín dụng: Tiền gốc: 310.000.000 đồng, lãi trong hạn từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2018 là 365 ngày x 310.000.000đ = 45.260.000đ, lãi suất quá hạn: từ ngày 23/12/2018 đến ngày 31/5/2023:1.620 ngày x1,8 (%/ tháng) x 310.000.000đ = 301.320.000đ, tổng cộng 656.580.000đ là phù hợp với hợp đồng hai bên đã kí kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Ông S và L đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 112/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu S. Vì vậy, ông S, bà L mỗi người phải trả ½ số tiền, cụ thể mỗi người phải trả: 155.000.000đ tiền gốc và 173.290.000đ tiền lãi, tổng: 328.290.000đ.

Quỹ tín dụng Vân S không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Yêu cầu của QTD Vân S được chấp nhận nên hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Ông S, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho QTDND Vân S.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, 35,39, Điều 271, 273 BLTTDS; Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân V: Buộc ông Nguyễn Thọ S và bà Lê Thị L phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền nợ gốc: 310.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 45.260.000 đồng, lãi quá hạn: 301.320.000 đồng, tổng cộng: 656.580.000 đồng, trong đó:

Ông S phải trả: 155.000.000đ tiền gốc và 173.290.000đ tiền lãi, tổng cộng: 328.290.000đ.

Bà L phải trả: 155.000.000đ tiền gốc và 173.290.000đ tiền lãi, tổng cộng: 328.290.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu ông S và bà L không trả tiền hoặc trả không đủ số tiền thuộc nghĩa vụ của mình thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng hai bên đã kí kết tương ứng thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Ông S, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mỗi người phải chịu: 16.414.500đ.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.410.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0016701 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu S.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu S;
- Chi cục THA. Triệu S;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu